

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Nghị quyết số 170/2024/QH15), bao gồm:

a) Khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 3 về điều chỉnh thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) đã cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Điều 6 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi nhà đầu tư được tiếp tục sử dụng đất thuộc dự án tại số 39-39B Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Điều 4 về trình tự rà soát, hoàn thiện thủ tục, điều kiện được tiếp tục sử dụng đất, xác định lại giá đất, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với 13 dự án tại thành phố Đà Nẵng;

d) Điều 5 về trình tự rà soát điều kiện được tiếp tục sử dụng đất thực hiện dự án, xác định giá đất cụ thể, tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với 11 dự án tại tỉnh Khánh Hòa;

đ) Điều 7 về trình tự xác định giá đất đối với 16 dự án tại thành phố Đà Nẵng;

e) Điều 8 về trình tự xác định giá đất, tính thu tiền sử dụng đất đối với các dự án tại Thành phố Hồ Chí Minh;

g) Khoản 1 và khoản 3 Điều 9 về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Sau khi hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất hoặc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận theo Nghị quyết số 170/2024/QH15 và Nghị định này thì việc quản lý, sử dụng đất được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 170/2024/QH15.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 3. Trình tự thực hiện điều chỉnh thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp tại thành phố Đà Nẵng quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 170/2024/QH15

1. Giấy chứng nhận đã cấp vi phạm về thời hạn sử dụng đất đối với đất sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nay phải xác định lại thành 50 năm theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 170/2024/QH15.

2. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm ban hành Quyết định công bố danh sách các Giấy chứng nhận đã cấp thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận, số phát hành (số seri của Giấy chứng nhận), số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công bố quy định tại khoản 2 Điều này, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai để theo dõi, quản lý;

b) Thông báo bằng văn bản cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất để thực hiện việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp; việc gửi thông báo được thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính công ích, trường hợp chưa có người tiếp nhận thì lập danh sách để theo dõi, quản lý;

c) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về danh sách số phát hành (số seri của Giấy chứng nhận), số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận của các Giấy chứng nhận đã cấp thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Việc thông báo được thực hiện 03 lần, mỗi lần cách nhau 30 ngày;

d) Thông báo bằng văn bản kèm theo danh sách số phát hành (số seri của Giấy chứng nhận), số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận của các Giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều này đến Sở Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có đất, cơ quan, tổ chức, các bên có liên quan (nếu có) để biết khi thực hiện thủ tục có liên quan đến Giấy chứng nhận đã cấp.

4. Sau khi nhận được thông báo quy định tại khoản 3 Điều này, việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện như sau:

a) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, bên xử lý tài sản bảo đảm nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Hồ sơ gồm Giấy chứng nhận đã cấp và Đơn đăng ký biến động theo Mẫu số 11/ĐK ban hành kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 101/2024/NĐ-CP);

b) Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện việc chỉnh lý, cập nhật việc thu Giấy

chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận mới vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; xác nhận điều chỉnh thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận thành 50 năm vào cột “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý” của Giấy chứng nhận với nội dung: “Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất đến ngày/...../....., theo Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội.”; trả Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, bên xử lý tài sản bảo đảm.

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thời hạn sử dụng đất khi thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được xác định là 50 năm theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 170/2024/QH15. Nội dung thể hiện thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT).

Trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc trường hợp đã lập hợp đồng, văn bản chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và đã công chứng, chứng thực trước ngày ban hành thông báo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện đồng thời việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp thành 50 năm theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 170/2024/QH15; các bên không phải thực hiện lại thủ tục thừa kế, thủ tục ký kết lại hợp đồng, văn bản chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp nhà đầu tư chưa thực hiện đầu tư, chưa đưa đất vào sử dụng mà được gia hạn sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 thì xác nhận điều chỉnh thời hạn sử dụng đất trên Giấy chứng nhận thành 50 năm tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình trên đất hoặc tính từ thời điểm bắt đầu xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xác định đối với trường hợp không phải cấp giấy phép xây dựng trên đất theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Thời gian thực hiện thủ tục quy định tại khoản này không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản này;

d) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người nộp hồ sơ khi thực hiện thủ tục quy định tại khoản này không phải trả phí, lệ phí.

5. Đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật thì giải quyết như sau:

a) Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện thủ tục xóa đăng ký thế chấp thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đồng thời việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất thành 50 năm theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 170/2024/QH15;

b) Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật thì bên xử lý tài sản bảo đảm nộp Giấy chứng nhận đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Việc nộp Giấy chứng nhận được thực hiện trước hoặc đồng thời khi xử lý tài sản bảo đảm. Trước khi thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm, bên xử lý tài sản bảo đảm thông báo bằng văn bản cho người có tài sản thế chấp, các bên có liên quan;

c) Trường hợp đã thực hiện xử lý tài sản bảo đảm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành nhưng chưa thực hiện đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thì Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện đồng thời việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất thành 50 năm theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 170/2024/QH15.

6. Đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đã cấp do bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc bị mất thì giải quyết như sau:

a) Việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 101/2024/NĐ-CP;

b) Thời hạn sử dụng đất khi cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm a khoản này được xác định là 50 năm theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 170/2024/QH15. Nội dung thể hiện thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT.

Điều 4. Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp sử dụng đất, sở hữu nhà, công trình xây dựng thuộc dự án tại số 39-39B Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 170/2024/QH15

Sau khi nhà đầu tư được tiếp tục sử dụng đất theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thì việc cấp Giấy chứng nhận cho nhà đầu tư hoặc người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 101/2024/NĐ-CP; trường hợp bán

án đã có hiệu lực pháp luật có nội dung quyết định xử lý về đất đai khác với quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thì thực hiện theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Mục 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ RÀ SOÁT, HOÀN THIỆN THỦ TỤC, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC TIẾP TỤC SỬ DỤNG ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN, XÁC ĐỊNH LẠI GIÁ ĐẤT, THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

Điều 5. Trình tự rà soát, hoàn thiện thủ tục, điều kiện được tiếp tục sử dụng đất, xác định lại giá đất, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với 13 dự án tại thành phố Đà Nẵng quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 170/2024/QH15

1. Trình tự rà soát, hoàn thiện thủ tục thực hiện như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp rà soát, hoàn thiện các thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường, biển và hải đảo, lâm nghiệp, đất đai của dự án theo quy định của pháp luật tại thời điểm áp dụng Nghị quyết số 170/2024/QH15;

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức rà soát, kiểm tra thực địa, tham mưu hoàn thiện theo thẩm quyền hoặc theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và gửi kết quả rà soát, hoàn thiện bằng văn bản cho Sở Nông nghiệp và Môi trường;

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả rà soát, hoàn thiện và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;

d) Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định dự án được tiếp tục thực hiện rà soát các điều kiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này nếu dự án đã đảm bảo yêu cầu hoàn thiện thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường, biển và hải đảo, lâm nghiệp, đất đai theo thẩm quyền tại thời điểm thực hiện Nghị quyết số 170/2024/QH15.

Trường hợp phải điều chỉnh hình thức giao đất, cho thuê của dự án thì thực hiện tương tự trình tự quy định tại Điều 51 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 102/2024/NĐ-CP).

Trường hợp trong diện tích đất đã giao đất, cho thuê của dự án có diện tích rừng phải chuyển mục đích để thực hiện dự án mà chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp tại thời điểm giao đất, cho thuê đất thì Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không phải ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng khi hoàn thiện hồ sơ dự án mà giao cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

d) Thời gian hoàn thành các công việc quy định tại khoản này chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp phát sinh việc điều chỉnh hoặc bổ sung hồ sơ dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

2. Trình tự rà soát điều kiện được tiếp tục sử dụng đất để thực hiện dự án được thực hiện như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 170/2024/QH15 đối với từng dự án về: sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch đô thị (quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu) đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật; không vi phạm quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh, quy hoạch 03 loại rừng (hoặc quy hoạch lâm nghiệp) đã được phê duyệt, điều kiện năng lực thực hiện dự án của nhà đầu tư;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả đánh giá điều kiện và lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, đánh giá điều kiện đối với từng dự án được tiếp tục sử dụng đất; hồ sơ gồm tờ trình, dự thảo quyết định đánh giá dự án đủ điều kiện được tiếp tục sử dụng đất, ý kiến của các cơ quan liên quan;

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Môi trường trình, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét về các điều kiện và ban hành quyết định đánh giá dự án đủ điều kiện được tiếp tục sử dụng đất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường;

d) Thời gian hoàn thành các công việc quy định tại khoản này chậm nhất là 06 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định được tiếp tục thực hiện rà soát các điều kiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đánh giá kết quả rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều này mà dự án không được tiếp tục sử dụng đất thì thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất tương tự trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.

4. Việc lựa chọn phương pháp định giá đất, trình tự áp dụng phương pháp định giá đất đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 27 tháng 02 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì áp dụng Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16

tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất (sau đây gọi là Nghị định số 123/2007/NĐ-CP), Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư số 145/2007/TT-BTC);

b) Đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Điều 9 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất (sau đây gọi là Nghị định số 71/2024/NĐ-CP);

c) Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì áp dụng Nghị định số 123/2007/NĐ-CP và Thông tư số 145/2007/TT-BTC;

d) Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Điều 9 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

đ) Trình tự, thủ tục xác định lại giá đất cụ thể đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.

5. Trường hợp xác định giá đất trong Bảng giá đất đối với dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 170/2024/QH15 mà vị trí thửa đất, khu đất cần định giá chưa được quy định giá đất trong Bảng giá đất thì Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào tình hình cụ thể tại địa phương, giá đất trong Bảng giá đất của khu vực, vị trí có điều kiện hạ tầng tương tự để xác định giá đất trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định.

6. Sau khi đã có quyết định giá đất cụ thể thì tiếp tục thực hiện theo các bước công việc quy định tại điểm đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 44 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo công thức sau đây:

a) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bằng (=) tiền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định lại trừ (-) tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước ngày Nghị quyết số 170/2024/QH15 có hiệu lực thi hành;

b) Trường hợp số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định lại nhỏ hơn số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp thì chủ đầu tư được xác định là đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai và Nhà nước không hoàn trả khoản tiền chênh lệch.

Điều 6. Trình tự rà soát điều kiện được tiếp tục sử dụng đất thực hiện dự án, xác định giá đất cụ thể, tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với 11 dự án tại tỉnh Khánh Hòa quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 170/2024/QH15

1. Trình tự rà soát các điều kiện được tiếp sử dụng đất để thực hiện dự án quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 170/2024/QH15 được thực hiện như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 170/2024/QH15 đối với từng dự án về: sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch đô thị (quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu) đã được phê duyệt; không vi phạm quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh; điều kiện năng lực thực hiện dự án của nhà đầu tư;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả đánh giá điều kiện và lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét, đánh giá điều kiện đối với từng dự án được tiếp tục sử dụng đất; hồ sơ gồm tờ trình, dự thảo quyết định đánh giá dự án đủ điều kiện được tiếp tục sử dụng đất, ý kiến của các cơ quan liên quan;

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Môi trường trình, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét về các điều kiện và ban hành quyết định đánh giá dự án đủ điều kiện được tiếp tục sử dụng đất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường;

d) Thời gian hoàn thành các công việc quy định tại khoản này chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đánh giá kết quả rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều này mà dự án không được tiếp tục sử dụng đất thì thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất tương tự trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.

3. Việc lựa chọn phương pháp định giá đất, trình tự áp dụng phương pháp định giá đất đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp được Nhà nước giao đất từ ngày 27 tháng 02 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì áp dụng Nghị định số 123/2007/NĐ-CP và Thông tư số 145/2007/TT-BTC;

b) Đối với trường hợp được Nhà nước giao đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Điều 9 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

c) Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất từ ngày 27 tháng 02 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì áp dụng Nghị định số 123/2007/NĐ-CP và Thông tư số 145/2007/TT-BTC;

d) Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Điều 9 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

đ) Trình tự, thủ tục xác định lại giá đất cụ thể đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.

4. Sau khi đã có quyết định giá đất cụ thể thì tiếp tục thực hiện theo các bước công việc quy định tại điểm đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 44 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo công thức sau đây:

a) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bằng (=) tiền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định lại trừ (-) tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước ngày Nghị quyết số 170/2024/QH15 có hiệu lực thi hành;

b) Trường hợp số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định lại nhỏ hơn số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp thì chủ đầu tư được xác định là đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai và Nhà nước không hoàn trả khoản tiền chênh lệch.

Điều 7. Trình tự xác định giá đất đối với 16 dự án tại thành phố Đà Nẵng quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 170/2024/QH15

1. Việc lựa chọn phương pháp định giá đất, trình tự áp dụng phương pháp định giá đất đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 27 tháng 02 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì áp dụng Nghị định số 123/2007/NĐ-CP và Thông tư số 145/2007/TT-BTC;

b) Đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Điều 9 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

c) Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất từ ngày 10 tháng 12 năm 2005 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì áp dụng Nghị định số 123/2007/NĐ-CP và Thông tư số 145/2007/TT-BTC;

d) Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Điều 9 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP;

đ) Trình tự, thủ tục xác định lại giá đất cụ thể đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.

2. Trường hợp xác định lại giá đất trong Bảng giá đất đối với dự án quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 170/2024/QH15 mà vị trí thửa đất, khu đất cần định giá chưa được quy định giá đất trong Bảng giá đất thì Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào tình hình cụ thể tại địa phương, giá đất trong Bảng giá đất của khu vực, vị trí có điều kiện hạ tầng tương tự để xác định giá đất trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định.

3. Sau khi đã có quyết định giá đất cụ thể thì tiếp tục thực hiện theo các bước công việc quy định tại điểm đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 44 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo công thức sau đây:

a) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp bằng (=) tiền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định lại trừ (-) tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước ngày Nghị quyết số 170/2024/QH15 có hiệu lực thi hành;

b) Trường hợp số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định lại nhỏ hơn số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp thì chủ đầu tư được xác định là đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai và Nhà nước không hoàn trả khoản tiền chênh lệch.

Điều 8. Trình tự xác định giá đất, tính thu tiền sử dụng đất đối với các dự án tại Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15

1. Việc lựa chọn phương pháp định giá đất, trình tự áp dụng phương pháp định giá đất đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thực hiện như sau:

a) Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30 tháng 3 năm 2018 đối với phần diện tích đất tương đương với tiền sử dụng đất mà nhà đầu tư đã tạm nộp cho cơ quan nhà nước thuộc dự án 1.330 căn hộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thì áp dụng Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất (sau đây gọi là Nghị định số 44/2014/NĐ-CP) và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất (sau đây gọi là Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT);

b) Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất tại thời điểm ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với phần diện tích đất chưa nộp tiền sử dụng đất thuộc dự án 1.330 căn hộ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thì áp dụng Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT;

c) Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại thời điểm ngày 20 tháng 11 năm 2008 đối với khu đất 30,2 ha Phường Bình Khánh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thì áp dụng Nghị định số 123/2007/NĐ-CP và Thông tư số 145/2007/TT-BTC;

d) Trường hợp xác định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại thời điểm ngày 18 tháng 4 năm 2017 đối với khu đất 30,1 ha Nam Rạch Chiếc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15 thì áp dụng Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT;

đ) Trình tự, thủ tục xác định giá đất cụ thể đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.

2. Trình tự tính tiền sử dụng đất sau khi xác định giá đất theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với dự án 1.330 căn hộ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15 được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Xác định diện tích đất tương đương với tiền sử dụng đất mà nhà đầu tư đã tạm nộp cho cơ quan nhà nước theo công thức sau đây:

$$S_{TN} = \frac{T_{TN}}{G_{2018}}$$

Trong đó:

S_{TN} là diện tích đất tương ứng với tiền sử dụng đất mà nhà đầu tư đã tạm nộp tại thời điểm 30 tháng 3 năm 2018;

T_{TN} là số tiền sử dụng đất mà nhà đầu tư đã tạm nộp;

G_{2018} là giá đất tại thời điểm ngày 30 tháng 3 năm 2018.

b) Xác định số tiền sử dụng đất nhà đầu tư phải nộp bổ sung theo công thức sau đây:

$$T_{BS} = (S_{ĐO} - S_{TN}) \times G_{2020}$$

Trong đó:

T_{BS} là tiền sử dụng đất nhà đầu tư phải nộp bổ sung;

$S_{ĐO}$ là diện tích đất ở của Dự án 1.330 căn hộ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15;

S_{TN} là diện tích đất tương ứng với tiền sử dụng đất mà nhà đầu tư đã tạm nộp tại thời điểm 30 tháng 3 năm 2018;

G_{2020} là giá đất tại thời điểm ngày 11 tháng 12 năm 2020.

c) Trường hợp số tiền sử dụng đất xác định theo quy định tại khoản này mà nhỏ hơn số tiền sử dụng đất đã tạm nộp thì chủ đầu tư được xác định là đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai và Nhà nước không hoàn trả khoản tiền chênh lệch;

d) Sau khi hoàn thành việc tính tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này thì tiếp tục thực hiện theo các bước công việc quy định tại điểm đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 44 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Trình tự tính tiền sử dụng đất sau khi xác định giá đất theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với khu đất 30,1 ha Nam Rạch Chiếc quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 170/2024/QH15 được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Xác định chi phí mà nhà đầu tư đã đầu tư vào khu đất 30,2 ha phường Bình Khánh, gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ, đầu tư xây dựng (sau đây gọi là $T_{TĐC}$);

b) Xác định giá trị quyền sử dụng đất khu đất 30,1 ha tại thời điểm ngày 20 tháng 11 năm 2008 (sau đây gọi là $T_{BT\ 2008}$);

c) Xác định hệ số tiếp cận đất đai đối với khu đất 30,1 ha tại thời điểm ngày 20 tháng 11 năm 2008 (sau đây gọi là K) theo công thức sau:

$$K = \frac{T_{TĐC}}{T_{BT\ 2008}}$$

Trường hợp K có giá trị lớn hơn hoặc bằng 1 thì chủ đầu tư được xác định là đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai; Nhà nước không hoàn trả khoản tiền chênh lệch khi K có giá trị lớn hơn 1; không phải xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp bổ sung theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản này.

d) Xác định diện tích đất mà nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất tại khu đất 30,1 ha theo công thức sau:

$$\begin{aligned} S_{GD1} &= K \times S_{GD} \\ S_{TD1} &= K \times S_{TD} \end{aligned}$$

Trong đó:

S_{GD1} là diện tích đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của khu đất 30,1 ha mà nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất;

S_{TD1} là diện tích đất thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của khu đất 30,1 ha mà nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất;

S_{GD} là diện tích đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của khu đất 30,1 ha;

S_{TD} là diện tích đất thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của khu đất 30,1 ha;

đ) Xác định diện tích đất mà nhà đầu tư chưa có quyền sử dụng đất (chưa nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) tại khu đất 30,1 ha theo công thức sau:

$$\begin{aligned} S_{GD2} &= S_{GD} - S_{GD1} \\ S_{TD2} &= S_{TD} - S_{TD1} \end{aligned}$$

Trong đó:

S_{GD2} là diện tích đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của khu đất 30,1 ha mà nhà đầu tư chưa có quyền sử dụng đất;

S_{TD2} là diện tích đất thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của khu đất 30,1 ha mà nhà đầu tư chưa có quyền sử dụng đất;

e) Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp bổ sung theo giá đất tại thời điểm ngày 18 tháng 4 năm 2017 theo công thức sau:

$$\begin{aligned} T_{GDBS} &= S_{GD2} \times G_{GD} \\ T_{TĐBS} &= S_{TD2} \times G_{TD} \\ T_{\text{Tổng}} &= T_{GDBS} + T_{TĐBS} \end{aligned}$$

Trong đó:

T_{GDBS} là tiền sử dụng đất mà nhà đầu tư phải nộp bổ sung theo giá đất tại thời điểm ngày 18 tháng 4 năm 2017;

$T_{TĐBS}$ là tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp bổ sung theo giá đất tại thời điểm ngày 18 tháng 4 năm 2017;

G_{GD} là giá đất tính tiền sử dụng đất đã xác định tại điểm d khoản 1 Điều này (thời điểm ngày 18 tháng 4 năm 2017);

G_{TD} là giá đất tính tiền thuê đất đã xác định tại điểm d khoản 1 Điều này (thời điểm ngày 18 tháng 4 năm 2017);

$T_{\text{Tổng}}$ là tổng tiền sử dụng đất và tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp bổ sung theo giá đất tại thời điểm ngày 18 tháng 4 năm 2017.

g) Sau khi hoàn thành việc tính tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản này thì tiếp tục thực hiện theo các bước công việc quy định tại điểm đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 44 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của hồ sơ, tài liệu, số liệu, thông tin đã trình Quốc hội, Chính phủ so với những nội dung được cấp có thẩm quyền kết luận trước khi thực hiện theo Nghị quyết số 170/2024/QH15 và Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả rà soát tính pháp lý dự án, về kết quả rà soát điều kiện thực hiện dự án, về kết quả rà soát, xác định lại giá đất, xác định giá đất, tính lại tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi thực hiện theo Nghị quyết số 170/2024/QH15 và Nghị định này;

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 170/2024/QH15 và Nghị định này, không để phát sinh tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, không hợp thức hoá các vi phạm, không để phát sinh sai phạm mới, không để xảy ra việc trục lợi chính sách, lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện Nghị quyết số 170/2024/QH15 và Nghị định này.

2. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 170/2024/QH15 và Nghị định này, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chủ động đề nghị Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán việc xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định để kịp thời đảm bảo việc tiếp tục sử dụng đất, tiếp tục thực hiện dự án theo Nghị quyết số 170/2024/QH15 và Nghị định này.

3. Khi thực hiện từng dự án cụ thể trong danh mục dự án nêu tại Phụ lục Nghị quyết số 170/2024/NQ15 mà có thay đổi về địa chỉ theo đơn vị hành chính các cấp thì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm điều chỉnh thông tin địa chỉ theo đơn vị hành chính đã thay đổi trong hồ sơ giải quyết dự án.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). 40

